

Mã đơn vị:

Đơn vị báo cáo: **Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 390 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cấp quản lý: (Trung ương ghi 11; Địa phương ghi 12)

Loại hình: (Công lập ghi 21; Tư thục ghi 22; Có vốn đầu tư nước ngoài ghi 23)
 Trong đó: cơ sở thuộc doanh nghiệp

Loại cơ sở: (Trường Cao đẳng ghi 31; Trường Trung cấp ghi 32; Trung tâm GDNN ghi 33 và Cơ sở khác ghi 34)

SỐ NGƯỜI HỌC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: THƯỜNG XUYỀN**

Năm 2017

Đơn vị tính: người

Chi tiêu	Mã số	Tổng số	Trong tổng số:		Chia theo trình độ đào tạo											
			Nữ	Dân tộc thiểu số / ít người	Đào tạo dưới 3 tháng			Sơ cấp			Trung cấp			Cao đẳng		
					Tổng số	Trong tổng số:		Tổng số	Trong tổng số:		Tổng số	Trong tổng số:		Tổng số	Trong tổng số:	
						Nữ	Dân tộc thiểu số / ít		Nữ	Dân tộc thiểu số / ít		Nữ	Dân tộc thiểu số / ít		Nữ	Dân tộc thiểu số / ít
A	B	1=4+7 +10+13	2=5+8 +11+14	3=6+9 +12+15	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1. Tổng số người học GDNN	1000	1600	81		1600	81										
<i>Trong đó: tốt nghiệp THCS</i>	<i>1001</i>													x	x	x
2. Tổng số tuyển mới trong kỳ	2000	1600	81		1600	81										
<i>Trong đó: tốt nghiệp THCS</i>	<i>2001</i>													x	x	x
2.1. Chia theo đối tượng chính sách																
2.1.1. Vay vốn theo QĐ số 157/2007/QĐ-TTg	2111															
2.1.2. Cử tuyển theo Nghị định số 134/2006/NĐ-CP	2112															
2.1.3. Đặt hàng đào tạo theo QĐ số 39/2008/QĐ-TTg	2113															
2.1.4. Miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP	2114															
2.1.5. Con em người có công, hộ nghèo học ở trình độ cao đẳng, trung cấp	2115				x	x	x	x	x	x						
2.1.6. Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng theo QĐ số 46/2015/QĐ-TTg	2116															
<i>Trong đó: - Nữ</i>	<i>2117</i>		x			x			x		x	x	x	x	x	x
<i>- Lao động nông thôn</i>	<i>2118</i>										x	x	x	x	x	x
<i>- Người khuyết tật</i>	<i>2119</i>										x	x	x	x	x	x
<i>- Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng</i>	<i>2120</i>										x	x	x	x	x	x
<i>- Người dân tộc thiểu số/ít người</i>	<i>2121</i>			x			x			x	x	x	x	x	x	x

Chỉ tiêu	Mã số	Tổng số	Trong tổng số:		Chia theo trình độ đào tạo											
			Nữ	Dân tộc thiểu số / ít người	Đào tạo dưới 3 tháng			Sơ cấp			Trung cấp			Cao đẳng		
					Tổng số	Trong tổng số:		Tổng số	Trong tổng số:		Tổng số	Trong tổng số:		Tổng số	Trong tổng số:	
						Nữ	Dân tộc thiểu số / ít		Nữ	Dân tộc thiểu số / ít		Nữ	Dân tộc thiểu số / ít		Nữ	Dân tộc thiểu số / ít
- Người thuộc hộ nghèo	2122										x	x	x	x	x	x
- Người thuộc hộ cận nghèo	2123										x	x	x	x	x	x
- Người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh	2124										x	x	x	x	x	x
- Lao động nữ bị mất việc làm	2125										x	x	x	x	x	x
- Ngư dân	2126										x	x	x	x	x	x
2.1.7. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ đào tạo nghề theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP	2127										x	x	x	x	x	x
2.1.8. Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; thanh niên tình nguyện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP	2128															
2.2. Chia theo ngành nghề đào tạo	2200	1600	81		1600	81										
1 Máy tính và CNTT	4890	1330	80		1330	80										
2 Công nghệ kỹ thuật cơ khí	5102	120			120											
3 Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	5103	150	1		150	1										
3. Tổng số tốt nghiệp trong kỳ	3000	1200	70		1200	70										
Trong đó: tốt nghiệp THCS	3001													x	x	x
3.1. Chia theo đối tượng chính sách																
2.1.1. Vay vốn theo QĐ số 157/2007/QĐ-TTg	3101															
2.1.2. Cử tuyển theo Nghị định số 134/2006/NĐ-CP	3102															
2.1.3. Đặt hàng đào tạo theo QĐ số 39/2008/QĐ-TTg	3103															
3.1.4. Miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP	3104															
3.1.5. Con em người có công, hộ nghèo học ở trình độ cao đẳng, trung cấp	3105				x	x	x	x	x	x						
3.1.6. Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng theo QĐ số 46/2015/QĐ-TTg	3106															
Trong đó: - Nữ	3107		x			x			x		x	x	x	x	x	x
- Lao động nông thôn	3108										x	x	x	x	x	x
- Người khuyết tật	3109										x	x	x	x	x	x
- Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	3110										x	x	x	x	x	x
- Người dân tộc thiểu số/ít người	3111			x			x			x	x	x	x	x	x	x
- Người thuộc hộ nghèo	3112										x	x	x	x	x	x

Chỉ tiêu	Mã số	Tổng số	Trong tổng số:		Chia theo trình độ đào tạo											
			Nữ	Dân tộc thiểu số / ít người	Đào tạo dưới 3 tháng			Sơ cấp			Trung cấp			Cao đẳng		
					Tổng số	Trong tổng số:		Tổng số	Trong tổng số:		Tổng số	Trong tổng số:		Tổng số	Trong tổng số:	
						Nữ	Dân tộc thiểu số / ít		Nữ	Dân tộc thiểu số / ít		Nữ	Dân tộc thiểu số / ít		Nữ	Dân tộc thiểu số / ít
- Người thuộc hộ cận nghèo	3113										x	x	x	x	x	x
- Người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh	3114										x	x	x	x	x	x
- Lao động nữ bị mất việc làm	3115										x	x	x	x	x	x
- Ngư dân	3116										x	x	x	x	x	x
3.1.7. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ đào tạo nghề theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP	3116										x	x	x	x	x	x
3.1.8. Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; thanh niên tình nguyện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP	3117															
3.2. Chia theo ngành nghề đào tạo	3200	1200	70		1200	70										
1 Máy tính và CNTT	4890	960	69		960	69										
2 Công nghệ kỹ thuật cơ khí	5102	96			96											
3 Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	5103	144	1		144	1										

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thuận

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc